

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
2. Ông Trịnh Văn Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2021/TLST-DS ngày 30/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:*

Ông Đặng Văn T qua bạn bè giới thiệu có quen biết với ông Trần Văn D. Đầu tháng 3 năm 2021, ông D có gợi ý ông góp vốn làm ăn chung cất bằng mã, ông đã góp 15.000.000 đồng và một người bạn góp 15.000.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng do ông bỏ tiền ra. Việc góp vốn không lập giấy tờ gì, lời lỗ phân chia trên số tiền góp vốn. Sau khi góp vốn không thấy ông D nói lời lỗ gì. Sau đó,

ông D cần vốn làm ăn, nên ông đứng ra mượn tiền cho ông Trần Văn D số tiền là 70.000.000 đồng, thời gian giao tiền khoảng giữa tháng 3 năm 2021. Nhưng đến khoảng giữa tháng 4 năm 2021, ông Trần Văn D không có tiền trả, cũng như không có báo cáo về kết quả làm ăn. Nên hai bên thống nhất ký giấy vay tiền ngày 20/4/2021, hai bên thỏa thuận lại ông Trần Văn D nợ ông tổng số tiền 100.000.000 đồng và hẹn đến 30/6/2021 trả đủ số tiền này.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2021, ông yêu cầu ông trả cho ông nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh gồm lãi trong hạn 72 ngày và lãi quá hạn là 14.250.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 27/12/2021 và tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất không yêu cầu ông D trả số tiền lãi 14.250.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn D thanh toán cho ông Đặng Văn T số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Đối với bà A: Ông T có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A. Việc ông D vay tiền không liên quan đến bà A. Hiện vợ chồng vẫn chưa ly hôn, trong vụ án này ông T không tranh chấp tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà A, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông D đồng ý với lời trình bày của ông T, giữa hai bên có quá trình góp vốn làm ăn và ông có mượn tiền của ông T. Ngày 20/4/2021, ông và ông T ký giấy vay tiền giấy vay tiền để thống nhất lại số tiền ông D đã nhận của ông T tổng cộng là 100.000.000 đồng. Ông D đồng ý số tiền đã nhận 100.000.000 đồng là tiền ông vay của ông T như thể hiện tại giấy vay tiền ngày 20/4/2021. Do tình hình dịch bệnh nên làm ăn khó khăn, ông chưa có tiền để trả cho ông T. Đề nghị ông T cho ông D 03 tháng, hạn chót đến ngày 07/7/2022 ông D sẽ trả hết số tiền 100.000.000 đồng đã vay cho ông T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A:

Theo xác nhận của Công an xã Tân Hải, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà A có hộ khẩu tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà A, nhưng bà A không tham gia tố tụng và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

4. Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông D trả số tiền 100.000.000 đồng, và không yêu cầu tính lãi.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc vay tiền được các bên thừa nhận tại giấy vay tiền ngày 20/4/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông D thanh toán 100.000.000 đồng cho ông T, và đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông T. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn D, địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trả nợ theo giấy vay tiền ngày 20/4/2021, Tòa án xác định vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được Tòa án thông đạt hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà A, ông D.

Về nội dung:

[3] Ông T yêu cầu ông D trả số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/4/2021, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Giấy vay tiền ngày 20/4/2021 được ông T và ông D thừa nhận giấy này do ông T và ông D tự nguyện ký kết. Xét giấy vay tiền ngày 20/4/2021 được ông T, ông D là những người có đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện thỏa thuận, nội dung thỏa thuận ông T cho ông D vay số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, và đến 30/6/2021 ông D trả số tiền này cho ông T, là có nội dung, hình thức của hợp đồng vay tài sản và phù hợp với quy định tại Điều 117, 119, và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực.

[3.2] Tại buổi hòa giải ngày 07/4/2022, ông T cho rằng ông góp vốn làm ăn chung với ông D số tiền 15.000.000 đồng, và có cho ông D vay số tiền 85.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T trình bày ông và một người bạn có góp vốn làm ăn với ông D, mỗi người góp 15.000.000 đồng, và ông cho ông D vay một lần 5.000.000 đồng và một lần 65.000.000 đồng, việc giao tiền các bên không lập văn bản, đến ngày 20/4/2021 thì ông D ký xác nhận vay của ông số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy, lời khai của ông T không thống nhất về nội dung, mục đích giao tiền cho ông D. Tuy nhiên, việc vay tiền được ông D thừa nhận, nhưng do khó khăn ông D chưa thể thanh toán được 100.000.000 đồng cho ông T. Đến nay đã quá hạn thanh toán, ông T không đồng ý gia hạn nợ, không tranh chấp tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà A, chỉ yêu cầu ông D trả số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/4/2021 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về tiền lãi phát sinh: Tại bản tự khai ngày 27/12/2021 và tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi phát sinh không yêu cầu ông D trả tiền lãi 14.250.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông D thanh toán tiền lãi 14.250.000 đồng phát sinh theo giấy vay tiền ngày 20/4/2021 được ký giữa ông T và ông D.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn D trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông T, và đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải trả cho ông T 100.000.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho ông Đặng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Văn D.

1. Buộc ông Trần Văn D thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho ông Đặng Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc buộc ông Trần Văn D thanh toán tiền lãi 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/4/2021 được ký kết giữa ông Đặng Văn T và ông Trần Văn D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn D phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn T số tiền 2.856.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005620 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2022), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Việt Hà